

Thuận Châu, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Số: 126/TB-BVTC
Về việc mời chào giá và hồ
sơ năng lực

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ VÀ HỒ SƠ NĂNG LỰC

Bệnh viện đa khoa huyện Thuận châu

Địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn Thuận châu, huyện Thuận châu, tỉnh Sơn la

Điện thoại: 02123).848.781;

Mã số thuế: 5500364614

1. Thông báo:

Kính mời: Các đơn vị có đủ khả năng, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thẩm định giá gói thầu số 02: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận châu;

Cụ thể gói thầu: Thẩm định giá gói thầu số 02: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận châu; theo danh mục như sau:

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

2. Thời hạn cung cấp: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Hồ sơ chào giá, hồ sơ năng lực: Được ghi đầy đủ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (**đơn vị tham gia: gửi kèm báo giá và hồ sơ năng lực**).

4. Giá chào: Phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

5. Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

7. Hình thức: Chỉ định thầu rút gọn.

8. Thời gian nhận báo giá và hồ sơ năng lực: Các công ty tham gia gửi báo giá, hồ sơ năng lực về Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu từ 09h00 phút ngày 20/11/2023 đến 15h00 ngày 30/11/2023.

9. Địa điểm: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu .

Địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận châu, tỉnh Sơn la.

Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu kính mời các công ty, tổ chức cá nhân, có đủ điều kiện gửi báo giá vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Các Công ty, tổ chức, cá nhân;
- Phòng TCHC(đăng tải lên trang Web của BV);
- Lưu: VT, Dược, HST.

GIÁM ĐỐC



Hà Việt Phương

PHỤ LỤC II

DANH MỤC HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM NĂM 2023- 2024

(Kèm theo thông báo mời thẩm định giá ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Xuất xứ hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
1	ALBUMIN	Hóa chất chẩn đoán Albumin dùng cho máy phân tích sinh hóa. Theo nguyên lý phản ứng giữa Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương và dye bromocresol green sẽ tạo kết tủa màu. Độ hấp thụ màu của kết tủa này phụ thuộc vào nồng độ Albumin. - Phương pháp đo Bromocresol green - Độ tuyến tính tối đa 6g/dL Hộp gồm 4x50ml Thành phần : - Succinate Buffer 75mmol/L - Bromocresol green 0.14g/L - Albumin standard 3g/dL - Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	12	
2	Bilirubin Direct-DC	Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Direct dùng cho máy phân tích sinh hóa. Acid sulfanilic phản ứng với natri nitric để tạo thành acid sulfanilic diazotized. Bilirubin Direct phản ứng với acid sulfanilic diazotized để tạo thành azobilirubin là một kết tủa. Đo độ hấp thụ màu kết tủa này để định lượng Bilirubin Direct trong huyết thanh/ huyết tương - Phương pháp đo Modified Diazo - Độ tuyến tính tối đa 20mg/dL Hộp gồm 5x 100ml Thành phần: - Sulfanilic acid 28.9mmol/L - Hydrochloric 165mmol/L - Preservatives and Stabilizers - Direct bilirubin activator Sodium metavanadate 4 mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	10	
3	Bilirubin Total	Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Total dùng cho máy phân tích sinh hóa. Acid sulfanilic phản ứng với natri nitric để tạo thành acid sulfanilic diazotized. Bilirubin Total phản ứng với acid sulfanilic diazotized để tạo thành TAB azobilirubin là một kết tủa. Đo độ hấp thụ màu kết tủa này để định lượng Bilirubin Total trong huyết thanh/ huyết tương - Phương pháp đo Modified TAB - Độ tuyến tính tối đa 25mg/dL Hộp gồm 5x100ml Thành phần : - Sulfanilic acid 28.9mmol/L - Hydrochloric acid 165 mmol/L - Dimethyle sulfoxide 7 mmol/L - Total Bilirubin Activator Hộp gồm 4 X 50 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	10	
4	CHOLESTEROL	Hóa chất chẩn đoán Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa. Nguyên lý định lượng Cholesterol dựa vào phản ứng sau : Cholesterol esterase Cholesterol ester +H2O -> Cholesterol + fatty acids Cholesterol Oxidase Cholesterol + O2-> 4-Cholesten-3- one + H2O2 Peroxidase 2H2O2 +Phenol+4-Aminoantipyrine -> - Red quinone + 4H2O Xác định nồng độ Cholesterol dựa vào độ hấp thụ màu sắc của Red quinone - Phương pháp đo CHOD-PAP - Độ tuyến tính tối đa 600mg/dL Thành phần: - Pipes Buffer 50mmol/L - SodiumCholate 0.5mmol/L - 4-aminoantipyrine 0.5mmol/L - Cholesterol Esterase >180U/L - Cholesterol Oxidase > 200U/L - Peroxidase > 100U/L - Cholesterol standard 200mg/dL.Hộp gồm 5 x 100 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	25	
5	Creatinine Jaffe	Hóa chất chẩn đoán creatinine dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý : Creatinine phản ứng với axit picric để tạo thành một hợp chất màu, creatinine alkaline picrate. Sự thay đổi độ hấp thụ tỷ lệ với nồng độ creatinine . - Phương pháp đo Modified Jaffe's - Độ tuyến tính tối đa 24mg/dL Thành phần : - Sodium hydroxide 300mmol/L - Sodium Phosphate 25mmol/L - Sufactant - Picric Acid 8 73 mmol/L - Creatinine standard 2 mg/dL Hộp gồm 4 X 100 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	60	
6	Glucose-GOD PAP	Hóa chất chẩn đoán Glucose dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau : Glucose Oxidase Glucose+ O2 + H2O2 -> Gluconic acid + H2O2 Peroxidase 2H2O2+phenol + 4-Aminoantipyrine -> Quinonimine + 4H2O Xác định độ hấp thụ màu của Quinonimine để xác định nồng độ của Glucose trong mẫu. - Phương pháp đo GOD -PAP - Độ tuyến tính tối đa 600mg/dL Hộp gồm 5x100ml Thành phần : - Tris Buffer 92mmol/L - Glucose Oxidase 15,000U/L - 4- Aminophenazone 2.6mmol/L - Phenol 0.3 mmol/L - Glucose standard 100 mg/d. Hộp gồm 5x100ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnotics / Thụy sỹ	Hộp	60	

7	GOT(ASAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGOT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p>AST $L\text{-Aspartate} + \alpha\text{-ketoglutarate} \rightarrow \text{Oxaloacetate} + L\text{-Glutamate}$ MDH $\text{Oxaloacetate} + \text{NADH} + \text{H}^+ \rightarrow L\text{-Malate} + \text{NAD}^+$ AST – Aspartate aminotransferase. MDH : Malate dehydrogenase Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều giảm các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ AST (SGOT) - Độ tuyến tính tối đa 1000 U/L Thành phần hoá học : - Tris Buffer 88mmol/L - L-Aspartate 260mmol/L - LDH > 1,500U/L - MDH > 900U/L - a-ketoglutarate 12mmol/L - NADH 0.24mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Hộp gồm 4 x 125 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	60
8	GPT(ALAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGPT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p>ALT $L\text{-Alanine} + \alpha\text{-ketoglutarate} \rightarrow \text{Pyruvate} + L\text{-Glutamate}$ LDH $\text{Pyruvate} + \text{NADH} + \text{H}^+ \rightarrow L\text{-Lactate} + \text{NAD}^+$ ALT – Alanine aminotransferase LDH - Lactate dehydrogenase Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều giảm các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ ALT (SGPT) - Độ tuyến tính tối đa 1000 U/L Thành phần hoá học : - Tris Buffer 110mmol/L - L-Alanine 600mmol/L - LDH > 1,500U/L - alpha-ketoglutarate 16mmol/L - NADH 0.24mmol/L Hộp gồm 4 x 125 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	60
9	g-GT IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Gama GT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng</p> <p>Gamma GT $\text{GLUPA-C} + \text{Glycylglycine} \rightarrow L\text{-Gamma-Glutamyl-Glycylglycine} + 5\text{-Amino-2-nitrobenzoic acid}$ GLUPA-C: L-Gamma -Glutamyl-3 Carboxy-p-nitroanilide Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều tăng các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 405nm tỉ lệ với nồng độ Gama GT - Phương pháp đo Szasz - Độ tuyến tính tối đa 232 U/L Thành phần hoá học : - Tris Buffer 133mmol/L - Glycylglycine 138mmol/L - Glupa-c 23mmol/L Hộp gồm 1x125 ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	12
10	Amylase	<p>Hóa chất chẩn đoán Amylase dùng cho máy phân tích sinh hóa. CNPG3 dưới tác động của Amylase trong huyết thanh/ huyết tương sẽ giải phóng 2- chloro-4- nitrophenol (CNP), 2- chloro-4- nitrophenyl – alpha- maltoside (CNP). Dựa vào độ hấp thụ của phản ứng động học này để tính toán nồng độ amylase trong huyết thanh/ huyết tương.</p> <p>- Phương pháp đo CNPG3 - Độ tuyến tính tối đa 2000 U/L Thành phần : - Mes Buffer 50mmol/L - CNPG3 2.27mmol/L - Calcium Chloride 60mmol/L - Sodium Chloride 70mmol/L - Activator 900mmol/L Hộp gồm 4x10mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	25
11	Protein total	<p>Hóa chất chẩn đoán Total Protein dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý sau : xác định màu của Total protein dựa trên các nguyên tắc của phản ứng Biuret (muối đồng trong môi trường kiềm). Protein trong mẫu huyết tương hoặc huyết thanh hình thành phức màu xanh khi được xúc tác bằng các ion cupric trong dung dịch kiềm. Cường độ của màu xanh tỷ lệ thuận với nồng độ protein. Do vậy độ hấp thụ của dung dịch cuối phản ứng tính toán ra nồng độ của Protein trong mẫu.</p> <p>- Phương pháp Direct Biure - Độ tuyến tính tối đa 150 g/L Thành phần hoá học : - Potassium iodide 6mmol ?L - Potassium sodium tartarate 21mmol/L - Copper Sulphate 6mmol/L - Sodium hydroxide 58mmol/L - Protein standard 60 g/L Hộp gồm 4 X 50 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	12

12	Triglycerides	<p>Dùng trong xét nghiệm Triglycerides $2H_2O_2 + 4\text{-Aminoantipyrine} + p\text{-Chlorophenol} \rightarrow \text{Red quinonemine}$ GPO = Glycerol-3-phosphate Oxidase. LPL = Lipoprotein Lipase GK = Glycerol Kinase Xác định độ hấp thụ màu của Red Quinonimine để xác định nồng độ của Triglycerides trong mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp GPO-PAP - Độ tuyến tính tối đa 1000 mg/dL <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pipes Buffer 5mmol/L - P- Chlorophenol 5.3mmol/L - Potassium ferrocyanate 10mmol/L - Magnesium Salt 17mmol/L - 4-aminoantipyrine 0.9mmol/L - ATP 3.15mmol/L - Lipoprotein Lipase > 1,800U/L - Glycerol kinase > 450U/L - Glycerol-3-phosphate oxidase > 3,500U/L - Peroxidase > 450U/L - Triglycerides standard 200mg/dL <p>Hộp gồm 4 x 50 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	20
13	Urea-UV	<p>Dùng trong xét nghiệm Urea-UV - Phương pháp Urease / GLDH - Độ tuyến tính tối đa 500mg/dL</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buffer(pH 7.55) 75mmol/L - ADP 0.7mmol/L - a-ketoglutarate 9mmol/L - Urease > 6,500U/L - GLDH > 1,100U/L - NADH 0.25mmol/L - 2- Oxoglutarate 5mmol/L - Urea standard 50mg/dL <p>Hộp gồm 4x125ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	60
14	Uric Acid	<p>Dùng trong xét nghiệm Uric Acid Xác định độ hấp thụ màu của Red quinone để xác định nồng độ của Uric Acid trong mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp Uriase - PAP - Độ tuyến tính tối đa 25m g/dL <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phosphate Buffer 180mmol/L - DHBS 2mmol/L - Amino-4-antipyrine 0.23mmol/L - Uricase > 60U/L - Peroxidase > 660U/L - Uric Acid standard 6mg/dL <p>Hộp gồm 5x100ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	10
15	CK-NAC IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Creatine kinase dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> Creatine Phosphate + ADP \rightarrow Creatine + ATP ATP + Glucose \rightarrow ADP + Glucose - 6- phosphate + ATP G6P - DH G-6-P + NADP \rightarrow D-Gluconate -6-phosphate + NADPH + H+ <p>CK - Creatine Kinase HK - Hexokinase G-6-P-D-Glucose-6-phosphate G-6-PDH-Glucose-6-Phosphate dehydrogenase.</p> <p>Sự thay đổi hấp thụ màu theo chiều tăng các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ CK.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo Optimized IFCC - Độ tuyến tính tối đa 1700 U/L <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> - D-Glucose 125 mmol/L - N-Acetyl-L-cysteine 25 mmol/L ♂- Magnesium acetate 12.5 mmol/L - NADP 2.4 mmol/L ♂- EDTA 2.0 mmol/L - Hexokinase >= 6800 U/L - Creatine Phosphate 250 mmol/L - ADP 15.2 mmol/L - AMP 25 mmol/L - Diadenosine pentaphosphate 103 ♂ mmol/L - G-6-PDH > 8800 U/L <p>Hộp gồm 2x30ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	20
16	HDL-Direct	<p>Dùng trong xét nghiệm HDL Cholesterol Hóa chất chẩn đoán HDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý đo cường độ màu sắc sản phẩm cuối của phản ứng ,thay đổi theo nồng độ HDL - Cholesterol tham gia vào phản ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo Enzyme selective protection - Độ tuyến tính tối đa 150mg/dL <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - N-Ethyl-N-(3-methylphenyl)-N'-succinylethylenediam(EMSE) - Cholesterol oxidase 2x10ml - 4-Aminoantipyrin 1x30ml <p>Hộp gồm 2x60ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	26

17	LDL-Direct	Dùng trong xét nghiệm LDL-Direct Hóa chất chẩn đoán LDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý đo cường độ màu sắc sản phẩm cuối của phản ứng, thay đổi theo nồng độ LDL - Cholesterol tham gia vào phản ứng. - Phương pháp đo Enzyme selective protection - Độ tuyến tính tối đa 450mg/dL. Thành phần hoá học : - CHE, CO 1.2 U/mL - Cholesterol Esterase > 2U/mL - Cholesterol Oxidase > 1mmol/L - 4-Aminoantipyrin 0.5 mmol/L - Good's buffer pH 6.3 - N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidine - Disodium salt (DSBmT) 1.0 mmol/l - Peroxidase Hộp gồm 2x60ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Hộp	26
18	Calib	Dùng trong xét nghiệm Calib Hộp gồm 3ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Lọ	15
19	Control N	Dùng trong xét nghiệm QC dải thấp Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Lọ	39
20	Control P	Dùng trong xét nghiệm QC dải cao Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Agappe Disagnostics / Thụy sỹ	Lọ	39
21	Nước rửa máy sinh hóa Extran	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Bảo quản thuốc thử ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Merck/Đức	ml	15.000
22	Samp cup cho máy sinh hóa	Cầu tạo tròn, vật liệu nhựa cứng, trong suốt Kích thước: Đường kính 1,5cm, chiều cao 3,5cm. Tương thích và sử dụng được cho máy sinh hóa. Túi gồm 500c/túi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nantong Renon Laboratory Equipment Co., Ltd;Trung Quốc	Túi	20
23	Hóa chất xét nghiệm cồn trong máu (Ethanol)	Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Thành phần: R1 - Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard. Giá trị tuyến tính lên đến 300 mg/dL (65 mmol/L). Giới hạn phát hiện: khoảng 10 mg/dL. Hộp gồm R1 1x80 R2 1x20ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Biolabo S.A.S;Pháp	Hộp	32
24	Hóa chất calib cho xét nghiệm Ethanol	Vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm định lượng Ethanol Hộp gồm 10ml/lọ	Diasys Diagnostic Systems GmbH;Đức	Lọ	6
25	Hóa chất chuẩn Ethanol	Dùng để QC bằng cách theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. Thành phần: R1 - Pathological control Ammonia, ethanol, CO2. Hộp gồm 10ml/lọ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Biolabo S.A.S;Pháp	Lọ	6
26	Cartridge đo (PH, PCO2, P02), HCT	Hóa chất xét nghiệm khí máu Gem 3000 Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Instrumentation Laboratory Company;Hoa Kỳ	Test	1.800
27	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/Ph	Thành phần gồm: Chất chuẩn A: 530ml Chất chuẩn B: 210ml Chất chuẩn C: 220ml Dung dịch tham chiếu: 310ml Hộp: 1270ml/ Hộp	B&E Bio- technology;Trung Quốc	Hộp	13
28	Dung dịch rửa (Dialy cleaning solution)	Daily cleaning solution là dung dịch được sử dụng để làm sạch Máy phân tích điện giải CBS. Thành phần bao gồm: Lọ A: NaCl, KCl, CaCl2, NaCl2, LiCl, HCl Lọ B: Pepsin Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Bảo quản ở nhiệt độ thường. Hộp: 0.13g*2+10ml	B&E Bio- technology;Trung Quốc	hộp	5
29	Dung dịch QC	Control được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C2H3NaO2, CaL2, C2H5NO2, trong huyết thanh động vật Hộp: 3x5x2ml	B&E Bio- technology;Trung Quốc	Hộp	5
30	Dung dịch chuẩn	Calibrator được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C2H3NaO2, CaL2, C2H5NO2, trong huyết thanh động vật. Hộp: 3x4x2ml	B&E Bio- technology;Trung Quốc	Hộp	4
31	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	- Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; + Thuốc chống vi trùng <0.1%; + Dung dịch đệm <0.3% - Đóng gói : 20 lit	Boule Medical AB- Thụy Điển	Lit	1.200
32	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	- Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. -Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; + Muối <1.5% - Đóng gói : 5 lit/ thùng	Boule Medical AB- Thụy Điển	Thùng	60
33	Chất thử chuẩn dùng cho phân tích huyết học	- Chức năng: Là mẫu chuẩn để hiệu chuẩn mức trung bình cho các thông số đo Bộ gồm : 3 lọ x4,5ml.	Boule Medical AB- Thụy Điển	Bộ	4
34	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là dung dịch để bảo trì và vệ sinh máy phân tích huyết học - Thành phần: + Sự suy giảm lipid/ protein trong Sodium hypochlorite: 2.0-2.4% active chlorine; + Độ ổn định Sodium hydroxide <0.05%; + Chất hoạt động bề mặt <0.05%. - Đóng gói: 500ml/bình.	Boule Medical AB- Thụy Điển	Bình	20
35	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5	Sifin Diagnostics GmbH ;Đức	ml	320
36	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B:	Sifin Diagnostics GmbH ;Đức	ml	320
37	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7	Sifin Diagnostics GmbH ;Đức	ml	320

38	Dung dịch pha loãng	Hóa chất pha loãng sử dụng cho máy xét huyết học Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Shanghai Kohden Medical Electronic Instrument Corp., Trung Quốc	Lít	800	
39	Dung dịch pha vỡ hồng cầu	Hóa chất pha vỡ hồng cầu sử dụng cho máy xét huyết học Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nihon Kohden - Trung Quốc	ml	15.000	
40	Hóa chất chuẩn máy (low, medium, high)	Hóa chất QC 3 mức sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ thường bộ 3 lọ x 3ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	SFRI SAS; Pháp	Bộ	4	
41	Dung dịch rửa	Hóa chất rửa sử dụng cho máy xét huyết học Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nihon Kohden - nhật bản Nước SX: Trung Quốc	Lít	25	
42	Dung dịch rửa đậm đặc	Hóa chất rửa đậm đặc sử dụng cho máy xét huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nihon Kohden - nhật bản	Lít	25	
	Tổng số: 42 mặt hàng					